

Bản án số: **01/2020/HSST**

Ngày: 15/01/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phương và ông Mai Đại Trọng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Ngọc Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, số 06 đường Đặng Tràm, thị xã Hương Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019, đối với:

Bị cáo Nguyễn Đình Nhật T (Tên gọi khác: không có), sinh ngày 02/8/1996 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 7, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Nguyễn Đình A, sinh năm 1976 và con bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1975; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; vợ con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/8/2019 cho đến nay; “có mặt”.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1982 và chị Ngô Thị Kiều Tr, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 9, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 9, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Anh Lê Tấn T, sinh năm 1997. Địa chỉ: 02/326 TBH, phường PB, thành phố H. Có mặt.

4. Anh Lê Minh H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ 7, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1981 và chị Nguyễn Thị Ái P, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 9, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Chị Trần Thị Ái D, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn PA, xã LT, huyện PL,

tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ 9, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn TK, xã HT, HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Chị Lê Thị M, sinh năm 1993. Địa chỉ: TTH, xã QT, huyện QĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 7, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

7. Anh Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1956. Địa chỉ: 264 NT, phường TL, thành phố H. Vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn 3, xã PS, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

9. Anh Trần T, sinh năm 1957. Địa chỉ: Thôn LXĐ, xã PL, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

10. Anh Ngô Sỹ C, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 10, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

11. Anh Ngô Văn P, sinh năm 1964. Địa chỉ: 347 NTT, phường TD, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

12. Anh Đặng Hữu Khánh H, sinh năm 1994. Địa chỉ: 326 TBH, phường PB, thành phố H. Vắng mặt.

13. Anh Nguyễn Nhất K, sinh năm 1991. Địa chỉ: tổ 2, khu vực 1, phường TX, thành phố H. Vắng mặt.

14. Anh Lê Anh D, sinh năm 1988. Địa chỉ: 01/8 kiệt 16 DT, phường AC, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian từ ngày 04/6/2019 đến ngày 22/8/2019, tại địa bàn thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nguyễn Đình Nhật T đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; cụ thể:

Lần 1: Khoảng 19 giờ 30 ngày 4/6/2019, T đi bộ đến khu vực cánh đồng Thanh Lam, thuộc tổ 8, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; phát hiện xe mô tô Biển kiểm soát: 75R1-9526, của chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1972, trú tại: tổ 9, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, đang để bên đường (trong cốp xe có 01 giấy đăng ký xe mô tô Biển kiểm soát: 75R1-9526 và 01 thẻ công nhân). T đến lấy trộm xe rồi đưa đi cất giấu tại khu vực hồ Châu Sơn, phường TP, thị xã HT. Đến ngày 5/6/2019, T đưa xe mô tô trên đến tiệm cầm đồ của ông Ngô Văn P, sinh năm 1964, trú tại: tổ 10, phường TD, thị xã HT, cầm được số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó, T quay lại tiệm cầm đồ của ông P chuộc lại xe mô tô và đưa đến khu vực cầu vượt TD, thị xã HT, bán cho một người đàn ông (không xác định được tên tuổi, địa chỉ), được số tiền 7.000.000 đồng. Các giấy tờ của chị

Hương nói trên, T đã vút bỏ dọc đường.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 43 ngày 10/6/2019, của Hội đồng định giá UBND thị xã Hương Thủy, kết luận: xe mô tô Biển kiểm soát: 75R1-9526, trị giá: 5.640.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 9 giờ 30 ngày 16/6/2019, T đi bộ đến khu vực ngã ba đường Lý Đạo Thành và Lê Chân thuộc tổ 6, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; phát hiện có xe mô tô Biển kiểm soát: 75F1-057.74 của anh Lê Tấn T, sinh năm 1997, trú tại: 2/326 đường TBH, phường PB, thành phố H, đang để bên đường. T đến lấy trộm xe rồi đưa lên khu vực cầu vượt TD, thị xã HT để bán. Tại đây, T kiểm tra trong cốp xe có số tiền 2.080.000 đồng và 01 điện thoại hiệu Iphone 6 màu gold; T lấy tiền và điện thoại còn xe bán cho một người đàn ông (không xác định được tên tuổi, địa chỉ), được số tiền 750.000 đồng. Sau đó, T đưa điện thoại lấy trộm được đến tiệm điện thoại “TH” ở đường MTL, thành phố H, bán được số tiền 300.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 49 ngày 21/6/2019, của Hội đồng định giá UBND thị xã Hương Thủy, kết luận: xe mô tô Biển kiểm soát: 75F1-057.74, trị giá: 2.227.500 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu gold, trị giá: 2.765.000 đồng; tổng cộng là: 4.992.500 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 7.072.500 đồng.

Lần 3: Khoảng 14 giờ ngày 29/7/2019, T đi bộ đến nhà anh Lê Minh H, sinh năm 1978, ở tại: tổ 8, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; thấy nhà không có người, T đi ra phía sau cạy cửa sổ, đột nhập vào trong nhà lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu hồng, 01 máy tính Lap top hiệu Asus màu đen (để trong túi xách có dây sạc pin), 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung J4 màu đen, 01 bao lì xì bên trong có số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi lấy được tài sản, T đem 02 điện thoại đến tiệm cầm đồ “ĐL” của anh Nguyễn Nhất K, sinh năm 1991, ở tại: tổ 5, phường TD, thị xã HT, bán được số tiền 2.200.000 đồng; máy tính nói trên, T mang đến tiệm sửa chữa điện thoại “TP” ở đường ĐHT của anh Lê Anh D, sinh năm 1988, trú tại: 1/8 kiệt 16 DT, phường AC, thành phố H, bán được số tiền 1.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 73 ngày 23/9/2019, của Hội đồng định giá UBND thị xã Hương Thủy, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu hồng, trị giá: 750.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung J4 màu đen, trị giá: 1.495.000 đồng; 01 máy tính Lap top hiệu Asus cùng bộ sạc pin và túi đựng, trị giá: 1.600.000 đồng; tổng cộng là 3.845.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là: 6.845.000 đồng.

Lần 4: Khoảng 8 giờ 30 ngày 22/8/2019, T đi bộ qua nhà anh Lê Thanh H, sinh năm 1982, ở tại: tổ 9, phường TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; phát hiện nhà anh Hòa không có người nên T đi ra phía sau nhà, dùng tay giật cửa rồi đi vào bên trong nhà tìm kiếm tài sản để lấy trộm nhưng không có. T thấy trên tủ lạnh có để chìa khóa xe mô tô nên lấy và đi ra phía trước hiên nhà anh Hòa, mở khóa xe mô tô Biển kiểm soát: 75S1-6663 rồi điều khiển xe đi cất giấu tại khu vực chùa PS thuộc phường TP, thị xã HT. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, T điều

khuyến xe mô tô trên về địa bàn huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế để bán thì bị phát hiện nên bỏ lại xe ven đường ở xã Lộc Tiến, huyện Phú Lộc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 64 ngày 23/8/2019, của Hội đồng định giá UBND thị xã Hương Thủy, kết luận: xe mô tô Biển kiểm soát: 75S1-6663, trị giá: 11.760.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 01 xe mô tô Biển kiểm soát: 75S1-6663; 01 giấy bán xe mô tô Biển kiểm soát: 75R1-9526.

Hiện xe mô tô, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu bồi thường, số tiền: 8.000.000 đồng; anh Lê Tấn T yêu cầu bồi thường số tiền: 7.000.000 đồng; anh Lê Minh H yêu cầu bồi thường số tiền: 6.845.000 đồng. Hiện bị cáo Nguyễn Đình Nhật T chưa bồi thường thiệt hại về dân sự cho các bị hại.

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Đình Nhật T đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 02/CT- VKS-HTh ngày 17/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình Nhật T về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm theo bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình Nhật T phạm tội: Trộm cắp tài sản; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Nhật T từ 02 (Hai) năm tù đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Đình Nhật T phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho các bị hại theo quy định của pháp luật. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị hại: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình Nhật T phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 5.640.000 đồng; anh Lê Tấn T tự nguyện yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình Nhật T phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 7.000.000 đồng; anh Lê Minh H yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình Nhật T phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 6.845.000 đồng; còn anh Nguyễn Thanh H và chị Ngô Thị Kiều Tr không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung theo quy định của pháp luật.

[2]. Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thị

xã Hương Thủy thu thập trong hồ sơ đều có giá trị pháp lý.

[3]. Qua trình điều tra truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

[4]. Căn cứ kết tội đối với bị cáo Nguyễn Đình Nhật T: Vào các ngày 04/6/2019, ngày 16/6/2019, ngày 29/7/2019 và ngày 22/8/2019 tại địa bàn các phường TP và PB thuộc địa phận thị xã HT, Nguyễn Đình Nhật T lợi dụng sơ hở, đã lén lút chiếm đoạt nhiều loại tài sản gồm điện thoại di động, xe mô tô, tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổng giá trị các tài sản bị chiếm đoạt là 31.317.500 đồng. Trong đó, chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Thu H 01 xe mô tô có giá trị là 5.640.000 đồng; chiếm đoạt của anh Lê Tấn T 01 xe mô tô, 01 điện thoại di động và tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 2.080.000 đồng; có giá trị tổng cộng là 7.072.500 đồng; chiếm đoạt của anh Lê Minh H gồm 02 Điện thoại di động, 01 laptop và tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 3.000.000 đồng, có giá trị tổng cộng là 6.845.000 đồng; của anh Lê Thanh H 01 xe mô tô có giá trị là 11.760.000 đồng.

Xét thấy hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản mà bị cáo Nguyễn Đình Nhật T đã thực hiện là đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình Nhật T về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Đình Nhật T là một người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vẫn nhận thức được hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng do động cơ vụ lợi nên bị cáo mới thực hiện hành vi tội phạm. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm để giáo dục bị cáo và ngăn ngừa chung.

[5]. Xét về tính chất của vụ án, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đình Nhật T tuy lợi dụng sơ hở của chủ tài sản để chiếm đoạt nhưng có dự mưu từ trước, hành vi này rất nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo vẫn nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, nếu xâm phạm sẽ bị xử lý nghiêm khắc, nhưng vì lười lao động, muốn hưởng thụ thành quả lao động trên công sức của người khác nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Đình Nhật T đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[7]. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, vì vậy nghị cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình Nhật T phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 5.640.000 đồng; anh Lê Tấn T tự nguyện yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình Nhật T phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 7.000.000 đồng; anh Lê Minh H yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình Nhật T phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 6.845.000 đồng. Về phía bị cáo cũng thống nhất bồi thường thiệt hại về tài sản theo yêu cầu của người bị hại, nhưng về phương thức bồi thường thì các bên không thống nhất được với nhau. Các bị hại và bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Xét thấy yêu cầu của các bị hại là có căn cứ nên cần được chấp nhận, buộc bị cáo Nguyễn Đình Nhật T phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 5.640.000 đồng; bồi thường cho anh Lê Tấn T số tiền 7.000.000 đồng; bồi thường cho anh Lê Minh H số tiền 6.845.000 đồng. Tổng cộng số tiền bị cáo Nguyễn Đình Nhật T phải chịu trách nhiệm bồi thường cho các bị hại là 19.485.000 đồng.

Đối với bị hại là anh Lê Thanh H và chị Ngô Thị Kiều Tr đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, cần tiếp tục lưu giữ các tài liệu vật chứng có trong hồ sơ vụ án.

[10]. Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 1, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Đình Nhật T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 974.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình Nhật T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình Nhật T 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 23/8/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 589 Bộ Luật dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Buộc bị cáo Nguyễn Đình Nhật T phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho những bị hại, cụ thể: Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 5.640.000 đồng; bồi thường cho anh Lê Tấn T số tiền 7.000.000 đồng; bồi thường cho anh Lê Minh H số tiền 6.845.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, cần tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án các tài liệu đã thu giữ trong hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình Nhật T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 974.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Công an thị xã Hương Thủy;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÍ)

Mai Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Phú